TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 462/2017/HS-PT
Ngày 25-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán:*Ông Phạm Trung Tuấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 208/2017/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thị Diễm Th. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị Diễm Th, sinh năm 1981 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp AN, xã MAH A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: cán bộ công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà NLQ3; có chồng là Tô Thanh H và 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 04/9/2015 (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Trịnh Bá Th2, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1/ Ông NLQ1, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp AN, xã MAH A, huyện LV, Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

2/ Bà NLQ2, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp AP, xã HAĐ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

3/ Bà NLQ3, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp AB, xã MAH A, huyện LV, Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các ông bà Tô Thanh H, NLQ2 và NLQ3:

Ông Nguyễn Kim Đ và ông Hà Công Th3, là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV ĐM, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại có liên quan đến kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Mai X, sinh năm 1977 và ông Trần Văn Bé N, sinh năm 1979; cùng địa chỉ cư trú: 295, ấp TT B, xã TM, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mai X và ông Trần Văn Bé N:

Ông Nguyễn Hoàng G, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng Giang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Diễm Th nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã MAH A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 2006, Th mua một nền nhà tại chợ TS, xã MAH A với số tiền 220.000.000 đồng, sau đó cất một căn nhà cấp 4 để ở, nhưng vì không có tiền nên Th đã hốt hụi và mượn tiền của người thân để mua đất, cất nhà. Do tiền lương một tháng chỉ có khoảng 4.000.000 đồng nên Th phải vay tiền của Ngân hàng và của cá nhân bên ngoài với lãi suất cao để trả nợ và đóng hụi chết. Đến cuối năm 2013 thì Th lâm nợ 1.250.000.000 đồng và hoàn toàn không có khả năng chi trả.

Để che giấu việc mất khả năng thanh toán và giữ uy tín để làm Phó Chủ tịch UBND xã MAH A. Từ năm 2014, lợi dụng địa vị công tác của mình Th dùng thủ đoạn hỏi vay tiền của nhiều người tại xã MAH A và các xã lân cận để chiếm đoạt sử dụng vào việc đóng hụi chết và trả nợ cá nhân chứ không nghĩ đến việc trả lại cho họ. Khi vay tiền, để người cho vay tin tưởng, Th nói dối là vay để cho người khác vay lại đáo hạn Ngân hàng, vài ngày trả hoặc đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác để làm tin, thậm chí Th chấp nhận với lãi suất rất cao, từ 3.000 đồng - 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức là từ 9% đến 15%/tháng, nên nhiều người người đồng ý cho vay. Quá trình điều tra Th thừa nhận, không cho ai vay tiền để đáo nợ ngân hàng mà toàn bộ số tiền vay được Th dùng vào việc trả nợ, vay của người này trả cho người khác hoặc trả xoay vòng trong một thời dài nên số tiền nợ ngày càng tăng. Đến ngày 26/8/2015 do không còn vay được nữa nên không có tiền trả lãi cho những

người đã vay, biết không thể tiếp tục che giấu hành vi phạm tội, Th đến Công an huyện LV tự thú.

Kết quả điều tra đã chứng minh được, bằng thủ đoạn gian dối hỏi vay tiền để cho người khác vay lại đáo nợ ngân hàng, Th đã chiếm đoạt của 16 người bị hại với tổng số tiền là 13.949.180.000 đồng, chỉ tính riêng trong tháng 8/2015 (trước khi ra tự thú) Th đã chiếm đoạt 4.833.000.000 đồng. Số tiền mà Th đã lừa đảo chiếm đoạt của từng người cụ thể như sau:

1/ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1956, ngụ ấp Thị 1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2013 đến ngày 12/8/2015 Th đã nhiều lần vay tiền của bà Ng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, cụ thể như sau:

- Từ tháng 10/2013 đến ngày 24/11/2014 Th vay của bà Ng nhiều lần, không nhớ rõ mỗi lần vay bao nhiêu, nhưng đến ngày 24/11/2014 Th viết biên nhận đã vay của bà Ng tổng số tiền là 5.500.000.000 đồng.

- Từ ngày 25/11/2014 đến ngày 09/8/2015 Th vay thêm của bà Ng nhiều lần với tổng số tiền là 7.430.000.000 đồng.

Đối với 02 khoản vay này, Th đã trả lãi cho bà Ng nhiều lần tính đến ngày 10/8/2015 là 6.170.000.000 đồng, nhưng số tiền lãi này bà Ng đã đưa lại cho Th vay tiếp, nên tổng số tiền mà Th vay của bà Ng là 19.100.000.000 đồng, ngày 10/8/2015 Th đã viết cho bà Ng 02 biên nhận, 01 biên nhận vay số tiền 13.010.000.000 đồng và 01 biên nhận vay số tiền 6.090.000.000 đồng.

Ngày 12/8/2015 Th vay của bà Ng 20.000.000 đồng (có biên nhận).

Như vậy, tổng cộng Th vay của bà Ng 19.120.000.000 đồng. Qua đối chối chất 02 bên thống nhất số tiền vốn gốc là 12.950.000.000 đồng, tiền lãi nhập vốn là 6.170.000.000 đồng, bà Ng yêu cầu Th trả lại 12.950.000.000 đồng vốn gốc, còn 6.170.000.000 đồng lãi nhập vốn bà Ng không yêu cầu Thúy trả.

Xét thấy, khi vay của bà Ng 7.430.000.000 đồng và 20.000.000 đồng Th đều dùng hành vi gian dối là nói để đáo nợ Ngân hàng. Vì thấy Th là Phó chủ tịch xã nên bị hại tin tưởng cho vay, nhưng thực chất Th không đáo nợ Ngân hàng mà sử dụng cá nhân dẫn đến mất khả năng thanh toán cho bà Ng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền là 7.450.000.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Ng số tiền này.

Còn khoản vay 5.500.000.000 đồng phát sinh trước thời điểm Th mất cân đối tài chính, vay nhiều lần cộng lại và có trả lãi đầy đủ, nên Th chỉ chịu trách nhiệm dân sự. Trong quá trình điều tra bổ sung Th đồng ý hoàn trả số tiền này cho bà Ng, nên ghi nhận sự tự nguyện của bị can là phù hợp pháp luật. Do đó, tổng số tiền Th phải trả cho bà Ng 12.950.000.000 đồng.

2/ Bà Nguyễn Phạm Giang T (Q), sinh năm 1979, ngụ ấp AN, xã MAH A, huyện LV:

Bằng thủ đoạn gian dối tương tự như trên, từ năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 Th vay của T nhiều lần với số tiền 230.000.000 đồng.

- Ngày 04/8/2015 Th vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 12/8/2015 Th vay 10.000.000 đồng.

- Ngày 17/8/2015 Th vay 16.000.000 đồng.

Tổng cộng Th vay 306.000.000 đồng, trả lãi được 110.000.000 đồng, chiếm đoạt của T 196.000.000 đồng (306.000.000 đồng vốn - 110.000.000 đồng lãi = 196.000.000 đồng).

3/ Ông Nguyễn Phú T1, sinh năm 1954, ngụ ấp AN, xã MAH A, huyện LV:

- Từ tháng 7/2014 đến 13/8/2015 Th vay 270.000.000 đồng.

- Ngày 13/8/2015 Th vay thêm 150.000.000 đồng.

Tổng cộng Th vay 420.000.000 đồng, trả lãi được 10.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông T1 410.000.000 đồng (420.000.000 đồng vốn – 10.000.000 đồng lãi = 410.000.000 đồng).

4/ Bà Trần Thị Tố L, sinh năm 1962, ngụ ấp AN, xã MAH A, huyện LV:

Từ tháng 3/2015 đến tháng 6/2015 Th vay của bà L nhiều lần với tổng số tiền là 270.000.000 đồng, trả lãi được 148.300.000 đồng, chiếm đoạt của chị L 121.700.000 đồng (270.000.000 đồng vốn - 148.300.000 đồng lãi = 121.700.000 đồng).

5/ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965, ngụ ấp AB, xã MAH A, huyện LV:

- Từ tháng 3/2015 đến ngày 12/8/2015 Th vay của bà Ph 560.000.000 đồng.

- Ngày 17/8/2015 Th vay thêm 100.000.000 đồng.

Tổng cộng Th vay 660.000.000 đồng, trả lãi được 274.210.000 đồng, chiếm đoạt của Ph 385.790.000.000 đồng (660.000.000 đồng vốn – 274.210.000 đồng lãi).

6/ Bà Đỗ Thị Lệ Th4 sinh năm 1960, ngụ ấp AN, xã MAH A, huyện LV:

- Từ ngày 09/4/2015 đến ngày 10/8/2015 Th vay 810.000.000 đồng.

- Ngày 24/8/2015 Th vay 30.000.000 đồng.

Tổng cộng Th vay 840.000.000 đồng, trả lãi được 316.800.000 đồng, chiếm đoạt của Th4 523.200.000 đồng (840.000.000 đồng vốn – 316.800.000 đồng lãi = 523.200.000 đồng).

7/ Bà Trịnh Thị L2 sinh năm 1972, ngụ ấp AN, xã MAH A, huyện LV:

- Từ tháng 4/2015 đến ngày 12/8/2015 Th vay 180.000.000 đồng.

- Ngày 24/8/2015 Th vay 20.000.000 đồng.

Tổng cộng Th vay 200.000.000 đồng, trả lãi được 40.000.000 đồng, chiếm đoạt của L2 160.000.000 đồng (200.000.000 đồng vốn - 40.000.000 đồng lãi = 160.000.000 đồng).

8/ Bà Nguyễn Thị Mai X, sinh năm 1977, ngụ ấp ATh, xã TM, huyện LV:

- Ngày 10/8/2015 Th vay của X 2.000.000.000 đồng.

- Ngày 13/8/2015 Th vay của X thêm 100.000.000 đồng, nên viết biên nhận tổng hợp 02 khoản vay là 2.100.000.000 đồng, khi viết biên nhận ghi tên người cho vay là Trần Văn Bé N (chồng của X). Từ khi vay đến khi vỡ nợ (ngày 25/8/2015) Th trả vốn 69.000.000 đồng và trả lãi 24.000.000 đồng, chiếm đoạt của X 2.007.000.000 đồng (2.100.000.000 đồng vốn – 69.000.000 đồng vốn – 24.000.000 đồng lãi = 2.007.000.000 đồng).

Quá trình điều tra bổ sung đã chứng minh được, khi đến hạn trả lại số tiền 2,1 tỷ đồng cho X, ban đầu Th nói dối với X là trên đường mang tiền về trả cho Xuân nhưng đi đến địa bàn xã VT đã bị cướp lấy hết tiền, sau đó Th đến nhà của X nói dối là tiền đã cho người khác vay lại đáo nợ Ngân hàng, 01 đến 02 ngày nữa họ trả cho Th, Th sẽ trả lại cho X, chứ không có bị ai cướp tiền. Để X tin tưởng, ngày 20/8/2015 Th viết lại biên nhận vay tiền có sự cam kết bảo lãnh của NLQ1 (chồng của Th) và bà Nguyễn Thị Th1 (mẹ ruột của Th) với nội dung: "Nếu Th không trả, chúng tôi sẽ có trách nhiệm hoàn trả", đồng thời Th đưa cho X cất giữ 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Th1 (mẹ ruột của Th), ông Tô Văn L2 và bà Phạm Thị Lệ Th4 (cha mẹ chồng của Th) đứng tên để làm tin, 02 ngày sau Th chỉ đưa cho Hòa mang trả cho X được 50.000.000 đồng, đến ngày 26/8/2015 thì Th đi tự thú. Do đó, NLQ1 và bà Th1 phải liên đới cùng với bị can Th hoàn trả cho Xuân 2.007.000.000 đồng vì họ biết rõ khoản nợ này của Th và đồng ý sẽ có trách nhiệm hoàn trả.

Đối với 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Th1, ông L2 và bà Th4 đứng tên: Kết quả điều tra thể hiện đây là hành vi gian dối của Th để bị hại tin tưởng không tố cáo, vì thực chất ông L2 đã sử dụng 02 diện tích đất do ông đứng tên từ năm 1992 (1.249m^2 đất trồng cây lâu năm, 2.100m^2 đất thổ và cây lâu năm), bà Th4 sử dụng 02 diện tích đất do bà đứng tên từ năm 1993(2.976m^2 đất lúa, 5.111m^2 đất lúa), và bà Th1 sử dụng 02 diện tích đất do bà đứng tên từ năm 1998 (100m^2 đất thổ, 117.5m^2 đất trồng cây lâu năm), nguồn gốc đất là của ông bà, cha mẹ để lại và chuyển nhượng của người khác; bị can Th có được 06 giấy chứng nhận đất của bà Th1, ông L2, bà Th4 là do bà Th1 đưa cho Th đi làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng, còn ông L2 và bà Th4 đưa cho Th đi làm thủ tục đổi lại giấy mới, nhưng khi làm xong Th chưa đưa lại cho họ, vì vậy đây không phải là tài sản của bị can Th mua và nhờ những người này đứng tên giùm mà là tài sản của họ.

9/ Ông Võ Văn Ú, sinh năm 1972, ngụ ấp 1, xã GGg, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp:

- Từ tháng 02/2015 đến ngày 17/8/2015 Th vay 450.000.000 đồng, trả lãi được 200.000.000 đồng.

- Ngày 20/8/2015 Th tiếp tục nói dối để vay 1.800.000.000 đồng, chiếm đoạt luôn không đóng lãi.

Tổng cộng Th vay 2.250.000.000 đồng, trả lãi được 200.000.000 đồng, chiếm đoạt của Võ Văn Ú 2.050.000.000 đồng (2.250.000.000 đồng vốn – 200.000.000 đồng lãi = 2.050.000.000 đồng).

10/ Ông Phan Định T2 (Cường), sinh năm 1973, ngụ ấp AB, xã MAH A, huyện LV:

- Từ 13/7/2015 đến 21/7/2015 Th vay 60.000.000 đồng.

- Ngày 24/8/2015 Th vay thêm 40.000.000 đồng và viết biên nhận tổng hợp 02 khoản vay là 100.000.000 đồng, trả lãi được 7.560.000 đồng, chiếm đoạt của T2 số tiền 92.440.000 đồng (100.000.000 đồng vốn – 7.560.000 đồng lãi = 92.440.000 đồng).

11/ Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1968, ngụ ấp AB, xã MAH A, huyện LV:

Ngày 24/7/2015 Th vay của H 50.000.000 đồng, trả lãi được 5.000.000 đồng, chiếm đoạt của Hạnh 45.000.000 đồng (50.000.000 đồng vốn – 5.000.000 đồng lãi = 45.000.000 đồng).

12/ Ông Lâm Hồng Ph1, sinh năm 1954, ngụ ấp AN, xã MAH A, huyện LV:

Ngày 12/8/2015 Th vay 230.000.000 đồng, trả lãi được 10.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Ph2 số tiền 220.000.000 đồng (230.000.000 đồng vốn – 10.000.000 đồng lãi = 220.000.000 đồng).

13/ Bà Lê Thị Á (Ánh Hoàng), sinh năm 1963, ngụ ấp AN, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang:

Ngày 13/8/2015 Th vay 50.000.000 đồng, trả lãi được 1.950.000 đồng, chiếm đoạt của Á số tiền 48.050.000 đồng (50.000.000 đồng vốn – 1.950.000 đồng lãi = 48.050.000 đồng).

14/ Ông Nguyễn Minh Th5, sinh năm 1977, ngụ ấp AB, xã MAH A, huyện LV:

Ngày 18/8/2015 Th vay 40.000.000 đồng, không trả vốn lãi, chiếm đoạt của Th5 40.000.000 đồng.

15/ Bà Trịnh Thị Thanh Th6 (Ni), sinh năm 1980, ngụ ấp AN, xã MAH A, huyện LV:

Ngày 20/8/2015 Th vay 150.000.000 đồng, không trả vốn lãi, chiếm đoạt của Th 150.000.000 đồng.

16/ Bà Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1990, ngụ ấp AB, xã MAH A, huyện LV:

Ngày 24/8/2015 Th vay 50.000.000 đồng, không trả vốn lãi, chiếm đoạt của O 50.000.000 đồng.

- Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Th khai nhận còn vay của 05 người với tổng số tiền là 1.560.000.000 đồng, hiện chưa thanh toán, cụ thể như sau:

1/ Nguyễn Phước Th7 800.000.000 đồng.

2/ Đỗ Thị Thanh Th8 500.000.000 đồng.

3/ Hồ Thị H1 30.000.000 đồng.

4/ Phạm Hồng T3 180.000.000 đồng.

5/ Phạm Thị Nh 50.000.000 đồng.

Nhưng những người này không yêu cầu giải quyết, nên Cơ quan điều tra không tiến hành điều tra để xem xét trách nhiệm của Thúy.

- Ngoài ra, Th còn nợ tiền vay của 02 Ngân hàng như sau:

1/ Nợ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh SĐ số tiền 70.000.000 đồng (vay tín chấp).

2/ Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện LV 129.162.000 đồng, gồm 120.000.000 đồng tiền vốn và 9.162.000 đồng tiền lãi (tính đến ngày 05/8/2016).

Kết quả xác minh tài sản: Đối với xe mô tô nhãn hiệu SH biển số 66V1-297.97 do Tô Thanh H (chồng của Th) đứng tên chủ sở hữu: Kết quả điều tra thể hiện chiếc xe này là của NLQ2 mua vào tháng 5/2015 và nhờ Tô Thanh H đứng tên dùm.

Về khả năng khắc phục hậu quả: Vợ chồng Th có được 154 m^2 đất thổ cư + cây lâu năm và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất, tọa lạc tại xã MAH A, huyện LV, do Tô Thanh H (chồng của Th) đứng tên chủ sở hữu. Tài sản này trị giá 245.600.000 đồng, vợ chồng Th đã thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện LV vào ngày 09/4/2015 để vay 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng (từ 09/4/2015 đến 10/01/2016), lãi suất 0,958%/tháng. Khoản vay này đã quá hạn, nhưng Th và H chưa thanh toán (tổng nợ tính đến ngày 05/8/2016 là 129.162.000 đồng). Do tài sản này đã thế chấp hợp pháp cho Ngân hàng, nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên mà có văn bản gửi Ngân hàng, yêu cầu khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì thông báo cho Cơ quan điều tra biết để phối hợp xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Diễm Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Diễm Th 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2015.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thị Diễm Th bồi thường cho những người bị hại như sau:

Nguyễn Thị Ng: 7.450.000.000 đồng, Nguyễn Phạm Giang T: 196.000.000 đồng, Nguyễn Phú T1: 410.000.000 đồng, Trần Thị Tố L: 121.700.000 đồng, Nguyễn Thị Ph: 385.790.000 đồng, Đỗ Thị Lệ Th4: 523.200.000 đồng, Trịnh Thị L1: 160.000.000 đồng, Võ Văn Ú: 2.050.000.000 đồng, Phan Định T2: 92.440.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H: 45.000.000 đồng, Lâm Hồng Ph1: 220.000.000 đồng, Lê Thị Á: 48.050.000 đồng, Nguyễn Minh Th5: 40.000.000 đồng, Trịnh Thị Thanh Th6: 150.000.000 đồng, Phạm Thị Kiều O: 50.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thị Diễm Th, anh Tô Thanh H và bà NLQ3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mai X và anh Trần Văn Bé N số tiền 2.007.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Thúy Diễm Th bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 5.500.000.000 đồng.

Anh NLQ1 có trách nhiệm giao chiếc xe SH Mode biển số: 66V1-297.97; Số máy: JF51E0229608; Số khung: 511XFY016756 và giấy tờ xe do NLQ1 đứng tên cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo và anh H1.

Đối với tài sản của bị cáo là 154 m^2 đất thổ cư, cây lâu năm và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất trị giá 245.600.000đ. Vợ chồng bị cáo thế chấp vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh LV số tiền vốn 120.000.000đ và lãi phát sinh. Ngân hàng phát mãi theo qui định và sau khi cấn trừ nợ xong, phần còn lại Ngân hàng có trách nhiệm nộp lại cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để bảo đảm thi hành án cho bị cáo và anh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm phải chịu tiền lãi suất nếu chậm thanh toán, án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 31/3/2017, bị cáo Phạm Thị Diễm Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, để sớm trở về nuôi hai con còn nhỏ, làm ăn kiếm tiền trả nợ cho các bị hại. Đồng thời, bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc mẹ và chồng của bị cáo là bà NLQ3 và ông Tô Thanh H phải liên đới cùng bị cáo thanh toán số tiền 2.007.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mai X, ông Trần Văn Bé N là không

chính xác, vì đây là số tiền bị cáo nợ riêng, không liên quan đến mẹ và chồng bị cáo.

Ngày 03/4/2017, bà NLQ2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà NLQ2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tô Thanh H phải giao nộp chiếc xe nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 66V1-29797 là không chính xác. Vì bà đã chuyển cho bị cáo Th 22.000.000 đồng, chuyển cho ông H1 23.000.000 đồng và nhờ bị cáo Th hốt hụi được 18.000.000 đồng, để mua chiếc xe này và nhờ ông H1 là anh ruột đứng tên giùm.

Ngày 04/4/2017, bà NLQ3 và ông Tô Thanh H cùng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà Th1 và ông H cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông, bà liên đới cùng bị cáo Th thanh toán số tiền 2.007.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mai X, ông Trần Văn Bé N là không chính xác. Vì đây là số tiền bị cáo Th nợ riêng, không liên quan đến ông, bà. Do ông N bắt giữ Thúy, vì thương con, thương vợ nên ông, bà phải ký để ông N thả Th về. Khi ký ông N không cho ông, bà đọc lại giấy bảo lãnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị Diễm Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Các ông bà NLQ3, NLQ2 và Tô Thanh H vẫn giữ nguyên kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về kháng cáo xin giám nhẹ hình phạt của bị cáo Th: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đặc biệt lớn, bản thân bị cáo và gia đình chưa khắc phục được khoản nào. Bản án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ tất cả các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo 16 năm tù là thỏa đáng, không nặng.

Về kháng cáo của bị cáo cũng như kháng cáo của ông Tô Thanh H, bà NLQ3 về trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Mai X và ông Trần Văn Bé N: Xét thấy, ông H và bà Th1 đã tự nguyện ký vào giấy bảo lãnh, có nội dung nếu bị cáo không trả nợ thì ông bà sẽ thay mặt trả.

Về kháng cáo của bà NLQ2 về việc yêu cầu trả lại chiếc xe nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 66V1-29797: Xét thấy, chiếc xe này do ông H là người đứng tên đăng ký, do đó việc bà NLQ2 cho rằng chiếc xe thuộc sở hữu của mình là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo nêu trên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày ý kiến như sau: Theo hồ sơ thể hiện thì, đối với hai khoản vay của bà Ng, bà X cơ quan điều tra chưa làm rõ giao dịch nào là hợp pháp, giao dịch nào là không hợp pháp, để làm rõ tổng số

tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mai X và ông Trần Văn Bé N phát biểu ý kiến như sau: Việc ông H, bà Th1 đã tự nguyện ký bảo lãnh cho bị cáo Th đối với khoản vay của bà X, do đó ông H và bà Th1 phải chịu trách nhiệm liên đới về việc trả tiền cho bà X. Đối với chiếc xe Honda biển kiểm soát 66V1-29797 do ông H là người đứng tên đăng ký, không có căn cứ nào thể hiện là của bà NLQ2. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các ông bà NLQ3, Tô Thanh H, NLQ2 phát biểu ý kiến như sau:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 66V1-29797: Theo hồ sơ thể hiện thì bà NLQ2 có gửi tiền nhờ bị cáo Th chơi hụi giùm và bị cáo Th thực tế có hốt hụi. Bà NLQ2 cũng gửi tiền cho bị cáo Th qua nhà xe. Do đó, có căn cứ để xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của bà NLQ2.

Đối với việc bảo lãnh của ông H, bà Th1: Xét thấy, giấy bảo lãnh này đã vi phạm về hình thức, không có chữ ký của cả 3 bên, không có công chứng hay chứng thực theo quy định. Về nội dung, bà Th1 và ông Hòa ký vào giấy bảo lãnh này là do bị ép buộc, đe dọa, khi vợ chồng bà X bắt giữ bị cáo Th. Mặt khác, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bà X, ông N xảy ra trước thời điểm ông H, bà Th1 ký bảo lãnh. Đề nghị Hội đồng xét xử không buộc ông H, bà Th1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị Diễm Th tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà án sơ thẩm đã quy kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó đã có cơ sở để xác định:

Bị cáo Phạm Thị Diễm Th nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã MAH A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Do không có tiền nhưng bị cáo đã hốt hụi, vay của nhiều người với lãi suất cao, để mua đất và xây nhà vào năm 2006. Đến cuối năm 2013 thì bị cáo đã nợ 1.250.000.000 đồng, không có khả năng thanh toán. Để che giấu việc mất khả năng thanh toán và giữ uy tín cá nhân, từ năm 2014, bị cáo vay tiền của nhiều người với lãi suất rất cao, từ 9% đến 15%/tháng, để đóng hụi chết, trả nợ và chi xài cá nhân. Khi vay tiền, để người cho vay tin tưởng, bị cáo nói dối là vay để cho người khác vay lại đáo hạn Ngân hàng, vài ngày sau sẽ trả; thậm chí bị cáo còn nói dối với người cho vay là để đưa cho em rể của bị cáo tên là Tr (công tác tại Văn phòng UBND huyện LV) để đáo nợ Ngân hàng và đưa hồ sơ đáo nợ Ngân hàng giả cho người cho vay xem.

Bằng thủ đoạn nêu trên, từ năm 2014 đến khi ra tự thú, bị cáo đã chiếm đoạt của 16 người bị hại (gồm các ông bà Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Phạm Giang T, Nguyễn Phú T1, Trần Thị Tố L, Nguyễn Thị Ph, Đỗ Thị Lệ Th4, Trịnh Thị L1, Võ Văn Ú, Phan Định T2, Nguyễn Thị Mỹ H, Lâm Hồng Ph1, Lê Thị Á, Nguyễn Minh Th5, Trịnh Thị Thanh Th6, Phạm Thị Kiều O và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai X, ông Trần Văn Bé N) với tổng số tiền 13.949.180.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác, được pháp luật bảo vệ. Với tư cách là Phó Chủ tịch UBND xã, là một Đảng viên, bị cáo nhận thức được rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ cá nhân, với mục đích có tiền trả nợ và chi xài bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Diễm Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự như:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã tự thú, trong quá trình công tác có nhiều giấy khen, gia đình bị cáo có công cách mạng. Các tình tiết này được quy định tại điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt như đã nêu ở trên và xử phạt bị cáo Th 16 năm tù là đã thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, là thỏa đáng, không nặng như kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đã nêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Th không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ để xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Th đề nghị hủy bản án sơ thẩm, do Cơ quan điều tra chưa làm rõ giao dịch nào là hợp pháp, giao dịch nào là không hợp pháp, để làm rõ tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất giữa bị cáo Th và những người bị hại. Qua đối chất đã xác định rõ số tiền thiệt hại mà bị cáo đã gây ra cho từng bị hại. Tại phiên tòa bị cáo không kêu oan, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó đề nghị của Luật sư là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Th, bà NLQ3 và ông Tô Thanh H về việc liên đới thanh toán cho ông Trần Văn Bé N, bà Nguyễn Thị Mai X 2.007.000.000 đồng; nhận thấy:

Kết quả điều tra xác định, bằng thủ đoạn gian dối là nói cho người bị hại mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, ngày 10/8/2015 bị cáo đã vay của bà X 2.000.000.000 đồng, ngày 13/8/2015 vay thêm 100.000.000 đồng, viết gộp chung thành một giấy nợ ông Trần Văn Bé N (chồng bà X) là 2.100.000.000 đồng. Trong tổng số 2.100.000.000 đồng này, bị cáo Thúy đã trả được 69.000.000 đồng vốn, 24.000.000 đồng tiền lãi, chiếm đoạt của bà X 2.007.000.000 đồng.

Theo cam kết thì ngày 20/8/2015, bị cáo phải trả vốn và lãi cho bà X, nhưng do không có tiền nên bị cáo nói dối bị cướp mất hết. Cũng vào ngày 20/8/2015, tại nhà bà X, ông N, bà NLQ3 và ông Tô Thanh H đã ký vào giấy bão lãnh sẽ trả số tiền 2.100.000.000 đồng thay cho bị cáo, nếu bị cáo không có khả năng chi trả.

Xét thấy, hành vi của bị cáo về việc chiếm đoạt 2.000.000.000 đồng của bà X đã hoàn thành tại thời điểm ngày 10/8/2015 và hành vi chiếm đoạt 100.000.000 đồng cũng của bà X đã hoàn thành tại thời điểm ngày 13/8/2015, nhưng việc bà Th1 và ông Hòa ký bảo lãnh diễn ra tại thời điểm ngày 20/8/215, tức là việc bảo lãnh này (nếu có) diễn ra sau khi bị cáo đã chiếm đoạt 2.100.000.000 đồng của bà X.

Theo lời khai của bị cáo, của bà X, bà Th1, ông Hòa và theo kết quả điều tra đã xác định được, cả bà Th1, ông H đều không biết việc bị cáo vay tiền của bà X và không sử dụng số tiền vay này. Sau khi ký vào giấy bảo lãnh, ngày 24/8/2015, bị cáo Th, bà Th1 và ông H đã có đơn trình báo gửi Công an huyện LV tố cáo hành vi bắt giữ người trái pháp luật và ép ký giấy bảo lãnh. Xét thấy, việc tố cáo của bị cáo, bà Th1 và ông H là có căn cứ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện LV đã có báo cáo kết quả giải quyết đơn tố cáo, kết luận bà X, ông N có hành vi ép bà Th1, ông H ký bảo lãnh (bút lục 810) và đề xuất trả lại toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người liên quan. Mặt khác, cùng là hành vi chiếm đoạt 2.100.000.000 đồng của bà X, nhưng cáo trạng đã quy kết, truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về hành vi này, nhưng bản án sơ thẩm lại buộc ông H, bà Th1 phải liên đới thanh toán số tiền này cho bà X, tức là bản án sơ thẩm cho rằng đây là quan hệ dân sự, có bảo lãnh, điều này là mâu thuẫn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Th1, ông Hòa liên đới thanh toán số nợ 2.007.000.000 đồng cho bà X, ông N là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị cáo Th, ông H và bà Th1 là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà NLQ2 về việc yêu cầu xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 66V1-29797 thuộc sở hữu của bà; nhận thấy: Theo hồ sơ thể hiện, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà NLQ2 và các Luật sư có đưa ra được các tài liệu như, bà NLQ2 có chuyển tiền cho bị cáo Th qua ngân hàng, gửi tiền cho bị cáo Th qua nhà xe, nhờ bị cáo Th chơi hụi và hốt hụi. Nhưng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện có sự liên quan giữa các hành vi nêu trên với việc nhờ ông H đứng tên xe. Trong khi đó, hợp đồng mua bán xe, giấy đăng ký xe đều do ông H đứng tên. Do đó, có đủ căn cứ để xác định chiếc

xe mô tô biển số 66V1-29797 là tài sản hợp pháp của ông H và bị cáo Th. Cần buộc ông H phải nộp ½ giá trị chiếc xe (tương đương với phần của bị cáo Th) cho Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để bảo đảm thi hành án. Kháng cáo của bà NLQ2 về việc yêu cầu trả lại chiếc xe nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Diễm Th về việc xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của bà NLQ2 về việc yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, biển số 66V1-297.97.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Diễm Th, bà NLQ3 và ông Tô Thanh H về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Mai X và ông Trần Văn Bé N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 10/2017/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Diễm Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Diễm Th 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2015.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thị Diễm Th phải bồi thường cho những người bị hại như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ng 7.450.000.000 (bảy tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng;

- Bà Nguyễn Phạm Giang T 196.000.000 (một trăm chín mươi sáu triệu) đồng;

- Ông Nguyễn Phú T1 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng;

- Bà Trần Thị Tố L 121.700.000 (một trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm ngàn) đồng;

- Bà Nguyễn Thị Ph 385.790.000 (ba trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi ngàn) đồng;

- Bà Đỗ Thị Lệ Th4 523.200.000 (năm trăm hai mươi ba triệu hai trăm ngàn) đồng;

- Bà Trịnh Thị L2160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng;

- Ông Võ Văn Ú 2.050.000.000 (hai tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng;

- Ông Phan Định T2 92.440.000 (chín mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng;

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng;

- Ông Lâm Hồng Ph1 220.000.000 (hai trăm hai mươi hai triệu) đồng;

- Bà Lê Thị Á 48.050.000 (bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng;

- Ông Nguyễn Minh Th5 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng;

- Bà Trịnh Thị Thanh Th6 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng;

- Bà Phạm Thị Kiều O 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng;

- Bà Nguyễn Thị Mai X và ông Trần Văn Bé N 2.007.000.000 (hai tỷ không trăm lẻ bảy triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Thị Diễm Th bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng.

Ông NLQ1 có trách nhiệm giao ½ giá trị chiếc xe mô tô, biển số 66V1-297.97, số máy: JF51E0229608, số khung: 511XFY016756 và giấy tờ xe cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, tại thời điểm thi hành án, để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Phạm Thị Diễm Th.

Đối với tài sản của bị cáo là 154 m^2 đất thổ cư, cây lâu năm và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất trị giá 245.600.000 đồng. Vợ chồng bị cáo thế chấp vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Lấp Vò số tiền vốn 120.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ngân hàng phát mãi theo qui định và sau khi cấn trừ nợ xong, phần còn lại Ngân hàng có trách nhiệm nộp lại cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để bảo đảm thi hành án cho bị cáo Phạm Thị Diễm Th.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị Diễm Th phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị Diễm Th phải nộp 121.949.180 (một trăm hai mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn một trăm tám mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị Diễm Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- TTG CA tỉnh Đồng Tháp (Tống đạt cho bị cáo (2));
- Lưu(3), 16b (Án39).